

SAMSUNG

Điều hòa không khí Multi Split

Free Joint Multi (FJM)

Một dàn nóng kết nối tối đa
năm dàn lạnh



Trải nghiệm sự mát lạnh với giải pháp điều hòa không khí hiệu suất cao và đáng tin cậy

Điều hòa không khí multi split của Samsung là sự kết hợp giữa tính hiệu quả và độ tin cậy nhằm mang đến hiệu suất vượt trội với thiết kế nhỏ gọn, tiết kiệm không gian lắp đặt. Một dàn nóng có thể kết nối với tối đa 5 dàn lạnh, hệ thống điều hòa multi split Samsung là sự lựa chọn tuyệt vời cho các căn hộ, tòa nhà nhỏ có diện tích lắp đặt hạn chế.

Khối lượng nhẹ, kích thước nhỏ gọn cùng với tính năng tự động xác định địa chỉ dàn lạnh với một nút nhấn giúp bạn lắp đặt dễ dàng với chi phí thấp.

Free Joint Multi

(FJM)



Hiệu suất cao

Hệ thống vận hành êm ái, mượt mà và hiệu quả với công nghệ máy nén Digital Inverter chất lượng cao.

Công suất lớn

Dàn nóng có công suất lên đến 14kW, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các căn hộ diện tích lớn.

Dễ dàng lắp đặt

Với kích thước máy nhỏ gọn và tính năng tự động xác định địa chỉ dàn lạnh giúp lắp đặt dễ dàng hơn và tiết kiệm thời gian.

Độ ồn thấp

Tận hưởng không gian yên tĩnh mát lạnh với chế độ vận hành êm ái nhờ vào hai lớp cách âm máy nén.

Bảng tương thích dàn nóng - dàn lạnh

Dàn nóng Dàn lạnh		Mã sản phẩm							
			AJ050TXJ2KH/EA AJ050TXJ2KC/EA	AJ058TXJ3KC/EA	AJ068TXJ3KH/EA	AJ080TXJ4KH/EA AJ080TXJ4KC/EA	AJ100TXJ5KH/EA AJ100TXJ5KC/EA	AJ125TXJ5KH/EA	AJ140TXJ5KH/EA AJ140TXJ5KC/EA
Mã sản phẩm		Công suất (kW)	5.0	5.8	6.8	8.0	10.0	12.5	14.0
 Treo tường WindFree™	AJ025TNAPKH/EA AJ035TNAPKH/EA AJ050TNAPKH/EA AJ068TNAPKH/EA	2.5	●	●	●	●	●	●	●
		3.5	●	●	●	●	●	●	●
		5.0	●	●	●	●	●	●	●
		6.2				●	●	●	●
 Treo tường tiêu chuẩn	AJ025TNTDKH/EA AJ035TNTDKH/EA AJ050TNTDKH/EA AJ068TNTDKH/EA	2.5	●	●	●	●	●	●	●
		3.5	●	●	●	●	●	●	●
		5.0	●	●	●	●	●	●	●
		6.5				●	●	●	●
 Cassette WindFree™ 1 hướng	AJ026TN1DKH/EA AJ035TN1DKH/EA AJ052TN1DKH/EA	2.6	●	●	●	●	●	●	●
		3.5	●	●	●	●	●	●	●
		5.2	●	●	●	●	●	●	●
 Cassette WindFree™ 4 hướng	AJ026TNNDKH/EA AJ035TNNDKH/EA AJ052TNNDKH/EA	2.6	●	●	●	●	●	●	●
		3.5	●	●	●	●	●	●	●
		5.2	●	●	●	●	●	●	●
 Giấu trần nổi ống gió	AJ026TNLPKH/EA AJ035TNLPKH/EA AJ052TNLPKH/EA AJ071TNLPKH/EA	2.6	●	●	●	●	●	●	●
		3.5	●	●	●	●	●	●	●
		5.2	●	●	●	●	●	●	●
		7.1				●	●	●	●

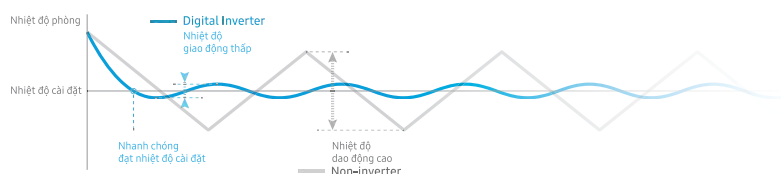
Free Joint Multi (FJM)



Tự động tiết kiệm năng lượng & chi phí

Công nghệ Digital Inverter

Bạn không phải bận tâm chi phí điện năng mỗi ngày với công nghệ Digital Inverter tiết kiệm năng lượng cao của Samsung. Không giống như các máy nén tốc độ cố định thông thường, thường xuyên tắt và bật, máy nén Samsung sẽ tự động điều chỉnh tốc độ để đáp ứng với những thay đổi của nhiệt độ phòng và ngoài trời. Vì vậy đảm bảo sự thoải mái cho bạn bằng cách duy trì nhiệt độ mong muốn và luôn tối ưu hoá việc sử dụng năng lượng khi làm lạnh không khí, giúp giảm mức tiêu thụ năng lượng tới 60% *.

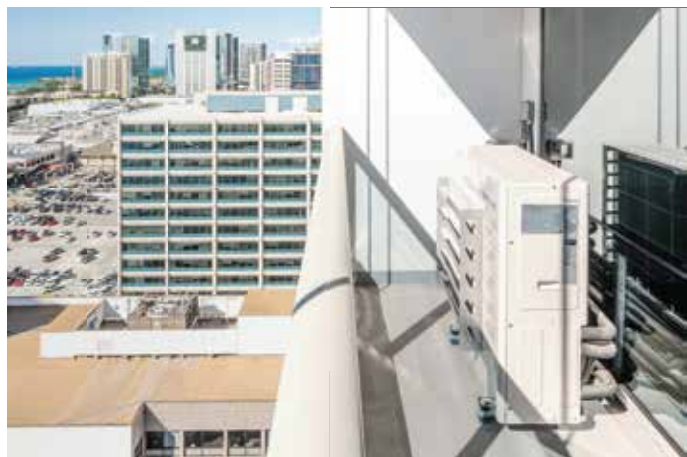


* Dựa trên kết quả kiểm tra nội bộ của Samsung với model AQV09TWS

Tiết kiệm không gian lắp đặt

Dàn nóng nhỏ gọn công suất mạnh mẽ

Kích thước nhỏ gọn của dàn nóng FJM giúp bạn dễ dàng lắp đặt ở nhiều vị trí khác nhau - ngay cả trên ban công nhỏ, điều này giúp làm đẹp cho không gian vì các dàn nóng sẽ không ảnh hưởng đến tầm nhìn ra ngoài cửa sổ của bạn.



Một dàn nóng có thể kết nối 5 dàn lạnh

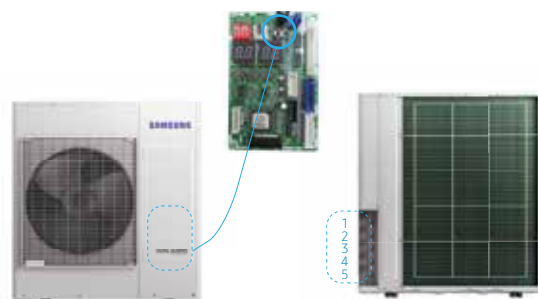
Một dàn nóng FJM có thể kết nối được tối đa năm dàn lạnh giúp giữ cho bên ngoài toà nhà luôn ngăn nắp, gọn gàng và không chiếm dụng nhiều diện tích.



Dễ dàng cài đặt chỉ với một nút nhấn

Địa chỉ tự động

Samsung FJM có tính năng tự động cài đặt địa chỉ cho phép bạn kết nối với nhiều dàn lạnh chỉ bằng một nút nhấn đơn giản. Khi bạn chọn chế độ này, dàn nóng sẽ tự động kiểm tra các kết nối và cung cấp số địa chỉ cho các dàn lạnh giúp đơn giản hóa quy trình thiết lập bằng cách loại bỏ nhiều tác vụ rắc rối liên quan đến việc đánh địa chỉ thủ công khiến việc cài đặt dễ dàng hơn bao giờ hết, và giúp tiết kiệm thời gian, chi phí.





Máy nén Twin Rotary



Động cơ BLDC

Tự động tiết kiệm năng lượng & chi phí

Máy nén Twin Rotary BLDC

Dàn nóng FJM với máy nén Twin Rotary BLDC mang lại hiệu quả vận hành cao và đáng tin cậy. Khoang nén đối với trọng lượng cân bằng tạo ra độ rung cực thấp, góp phần giúp máy chạy mượt mà và yên tĩnh hơn. Việc sử dụng các bộ phận chuyển động chất lượng cao, chẳng hạn như vòng bi chắc chắn, con lăn và van cao cấp cũng đảm bảo độ ổn định và độ bền tốt nhất.

Vận hành êm ái

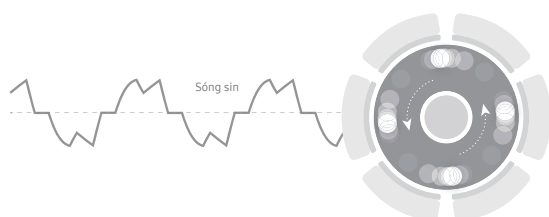
Cách âm hai lớp cao cấp

Máy nén được bao phủ hoàn toàn với hai lớp cách âm giúp hấp thụ và giảm thiểu tiếng ồn. Vì vậy, máy hoạt động êm ái và nhẹ nhàng, nhưng vẫn mang lại hiệu suất chất lượng cao nhất.

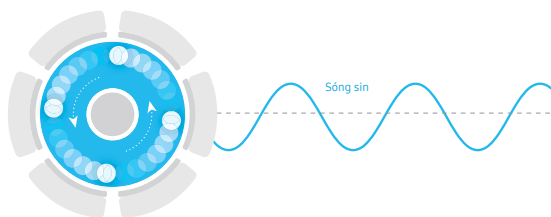


Công nghệ nắn sóng Sin

Bạn sẽ ít nghe tiếng ồn hơn khi máy điều hòa đang chạy nhờ công nghệ nắn sóng hình sin mới (Sine Wave Controller) được phát triển bởi Samsung. Không giống như các công nghệ sóng Sin thông thường, phát ra âm thanh lớn. Samsung FJM tạo ra các sóng Sin có đường cong mượt mà không gập ghềnh hoặc gợn. Điều này làm giảm đáng kể tiếng ồn do dàn nóng tạo ra, do đó máy sẽ hoạt động rất êm và dễ chịu.



Công nghệ thông thường



Công nghệ nắn sóng sin

*Dựa trên kết quả kiểm tra nội bộ của Samsung khi so sánh với model AR09FSSKABENEU

Dàn lạnh treo tường WindFree™

Mát lạnh dễ chịu, không lo gió buốt,
tối ưu hóa nhiệt độ, độ ẩm và sự trong lành

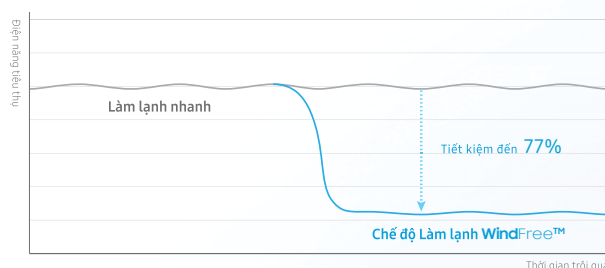
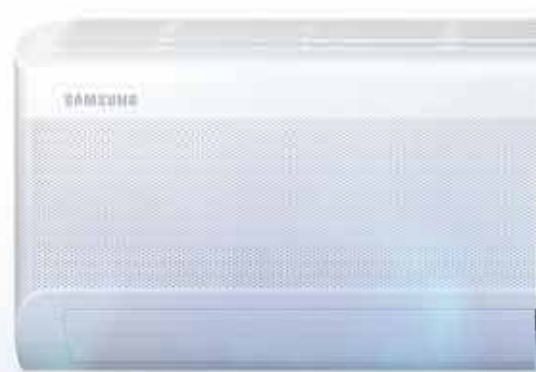
Dàn lạnh treo tường **WindFree™** thổi gió lạnh ra ngoài thông qua 23,000 lỗ siêu nhỏ trên bề mặt, tạo ra luồng gió nhẹ nhàng, mát lạnh, đồng thời tránh được sự khó chịu do hiện tượng gió buốt thổi trực tiếp vào người. Máy có thể làm lạnh nhanh chóng và tối ưu hóa điều kiện phòng giúp bạn ngủ ngon hơn. Thiết kế sản phẩm giúp việc lắp đặt, bảo trì và kiểm soát nhiệt độ trở nên đơn giản và thuận tiện hơn.

Mát lạnh dễ chịu Công nghệ làm lạnh WindFree™

Bạn sẽ luôn cảm thấy mát lạnh dễ chịu với chế độ làm lạnh **WindFree™**. Máy làm lạnh tiện nghi và nhẹ nhàng, không gây cảm giác lạnh buốt khó chịu bằng cách thổi gió lạnh thông qua 23,000 lỗ nhỏ, thiết lập “môi trường tĩnh”* với vận tốc gió và độ ồn cực thấp**. Đặc biệt, chế độ WindFree™ tiêu thụ điện ít hơn 77% so với chế độ làm lạnh nhanh***, vì vậy, bạn có thể thoải mái tận hưởng cảm giác mát lạnh mà không cần lo lắng về hóa đơn điện.



23,000
Lỗ siêu nhỏ



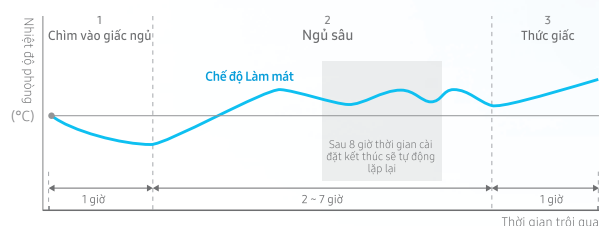
*ASHRAE (Hiệp hội kỹ sư nghiên cứu về Làm lạnh, Sưởi và Điều hòa không khí tại Mỹ) định nghĩa “môi trường tĩnh” là không khí đạt tốc độ dưới 0,15m/s và không có sự hiện diện của gió buốt.

Thí nghiệm trên sản phẩm model AR12TXCAAWKNEU. Chế độ **WindFree™ chỉ có độ ồn 23dB(A), so với độ ồn 26dB(A) của các dòng điều hòa Samsung truyền thống.

***Thí nghiệm trên sản phẩm model AR07T9170HA3, dựa trên năng lượng tiêu thụ của chế độ Làm lạnh nhanh so với chế độ làm lạnh **WindFree™**.

Tận hưởng giấc ngủ ngon Chế độ WindFree™ Good Sleep

Chế độ này giúp thiết lập trạng thái lý tưởng cho phòng ngủ, với luồng gió êm dịu không buốt lạnh và tiết kiệm điện năng. Nhờ đó, bạn có thể tận hưởng giấc ngủ ngon và sâu hơn, tràn đầy năng lượng vào sáng hôm sau.



Nhận biết nhiệt độ trực quan Màn hình cao cấp hiển thị nhiệt độ

Màn hình lớn, hiển thị nhiệt độ rõ ràng và đơn giản, giúp dễ dàng nhận biết nhiệt độ phòng một cách trực quan và dễ dàng điều chỉnh theo ý muốn.





Làm lạnh nhanh

Chế độ Fast Cooling

Làm lạnh nhanh khắp mọi nơi trong căn phòng nhờ thiết kế cải tiến với quạt gió lớn hơn 15%, cửa hút khí rộng hơn 18%, cửa thổi khí rộng hơn 31%. Công nghệ Digital Inverter Boost cho máy nén hoạt động với công suất tối đa khi khởi động, do đó làm lạnh nhanh hơn 43%*. Không khí lạnh được phân tán xa và rộng hơn đến 15 mét**.



*Thử nghiệm trên sản phẩm model AR12TXCAWKEU so với sản phẩm truyền thống AQ12EASER
**Thử nghiệm trên sản phẩm model AR24TXFAWKNEU

Đơn giản & dễ dàng lắp đặt, bảo trì

Thiết kế khớp nối & thanh treo trượt linh hoạt

Dàn lạnh được thiết kế theo dạng khớp nối có thể tháo lắp dễ dàng mà không cần dùng đến tua-vít. Không giống như thanh treo dàn lạnh truyền thống cần gắn vừa vặn vào 2 móc treo cố định, dàn lạnh Samsung dùng thanh treo trượt linh hoạt giúp đơn giản hóa quá trình lắp đặt. Bạn có thể dễ dàng lắp đặt thiết bị bằng cách gắn giá đỡ lên tường, sau đó trượt dàn lạnh vào vị trí mong muốn một cách dễ dàng.



Thiết kế khớp nối



Thanh treo trượt

Cassette WindFree™ 1 hướng



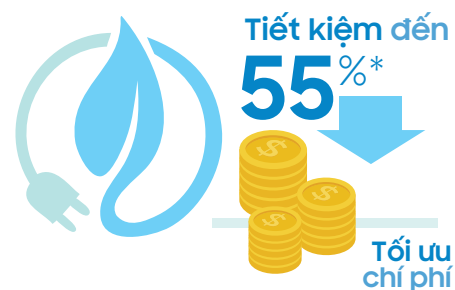
Chế độ Fast Cooling

Hai bước làm lạnh, bước một làm lạnh nhanh với chế độ Fast Cooling, sau đó chuyển sang chế độ **WindFree™** để duy trì nhiệt độ lý tưởng, giúp bạn cảm thấy dễ chịu.

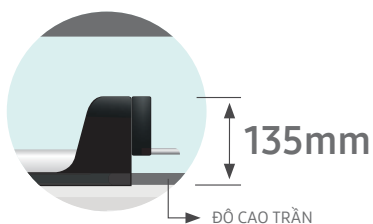
Tiết kiệm năng lượng đến 55%

Tiết kiệm đến 55%* điện năng tiêu thụ khi vận hành ở chế độ làm lạnh **WindFree™**. Do đó bầu không khí mát lạnh mà vẫn cực kì yên tĩnh và tiết kiệm điện năng.

*Dựa trên thử nghiệm nội bộ: dàn nóng AM050FXMDEH vận hành ngẫu nhiên với dàn lạnh AM056NN1DEH, AM036NN1DEH, AM022NN1DEH.



Thiết kế mỏng & nhỏ gọn



Dàn lạnh Cassette **WindFree™** 1 hướng có thiết kế mỏng và nhỏ gọn với độ dày thân máy chỉ 135mm, giúp lắp đặt dễ dàng và phù hợp với mọi không gian, đặc biệt với những nơi có trần thấp, hạn chế về chiều cao thông thủy trần. Vỏ máy bằng ABS nên trọng lượng dàn lạnh nhẹ, giúp lắp đặt bảo dưỡng thuận tiện hơn.

*Dựa trên model 3.6kW. Riêng model 5.2kW và 7.1kW có kích thước 138mm



Phạm vi làm lạnh rộng

Làm lạnh nhanh đến từng ngõ ngách của căn phòng. Dàn lạnh Cassette **WindFree™ 1** hướng có cánh đảo gió lớn đến 100mm, giúp thổi gió đi xa đến 8 mét*. Thêm vào đó, cánh đảo gió hoạt động lên xuống góc 40- 80 độ. Thiết bị sẽ nhanh chóng làm lạnh đều khắp căn phòng và không gây ra “góc chết”.

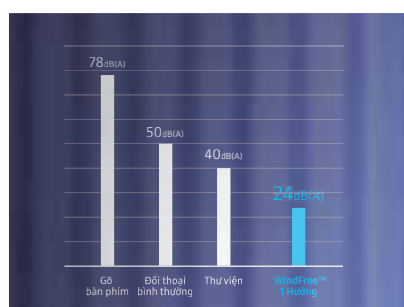
*Dựa trên thử nghiệm nội bộ model 7.1kW. Phạm vi thổi gió: cao độ khi ngồi = 0.6m, tốc độ gió = 0.3m/s.



Vận hành yên tĩnh

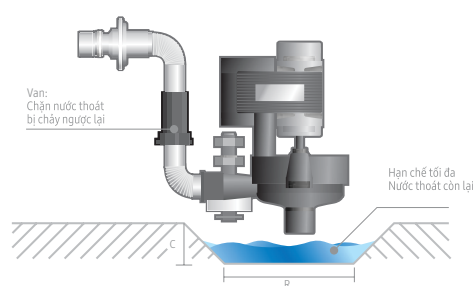
Dàn lạnh Cassette **WindFree™ 1** hướng giảm thiểu tiếng ồn chỉ còn 24dB(A)*, là sự lựa chọn lý tưởng cho các không gian cần sự yên tĩnh như là thư viện, phòng họp, văn phòng làm việc.

*Dựa trên thử nghiệm nội bộ model 3.6kW khi ở chế độ **WindFree™**



Chống tràn ngược nước ngưng

Van một chiều trên bơm thoát nước ngưng ngăn nước chảy ngược vào máng xả, không cho nước bị tràn ra ngoài. Vì thế, bạn không cần phải lo lắng về việc tràn nước ra không gian trần và phòng.



Cassette WindFree™

4 hướng Mini

Dàn lạnh Cassette **WindFree™** 4 hướng là cải tiến mới trong giải pháp điều hòa không khí. Với cánh đảo gió đặc biệt, điều chỉnh được luồng gió linh hoạt, sự kết hợp hoàn hảo giữa thiết kế và công năng, dàn lạnh Cassette 4 hướng có thể làm lạnh hiệu quả và bền bỉ trong không gian lớn.

Làm lạnh WindFree™

Dàn lạnh Cassette **WindFree™** 4 hướng thổi gió thông qua 9,000 lỗ siêu nhỏ trên mặt nạ, tạo ra luồng gió phân tán nhẹ nhàng, thiết lập “môi trường tĩnh”*. Sự phân bố đồng đều giúp cho căn phòng mát lạnh, thoải mái, đồng thời tránh được sự khó chịu do gió lạnh thổi trực tiếp vào người.



9,000
Lỗ siêu nhỏ

*ASHRAE (Hiệp hội kỹ sư nghiên cứu về Làm lạnh, Sưởi và Điều hòa không khí tại Mỹ) định nghĩa “môi trường tĩnh” là không khí đạt tốc độ dưới 0,15m/s

Kích thước & trọng lượng gọn nhẹ

Kích thước nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ của dàn lạnh Cassette **WindFree™** 4 hướng giúp cho việc lắp đặt dễ hơn. Cánh đảo gió được tối ưu hóa đến 66mm, giúp làm lạnh nhanh và thổi xa hơn mà không tạo ra các “vùng chết”.

Kích thước
(W x D mm)

575 x 575



Trọng lượng (kg)

11.8



Làm sạch dễ dàng

Cassette 4 hướng thổi **WindFree™** có cánh đảo gió dễ tháo rời, giúp bạn làm sạch dễ dàng và nhanh chóng mà không cần tháo nguyên phần mặt nạ như các dòng cassette thông thường.

Làm lạnh thông minh

Dàn lạnh Cassette **WindFree™** 4 hướng làm lạnh phòng đến nhiệt độ mong muốn trong thời gian nhanh nhất có thể, trước khi chuyển sang chế độ làm lạnh **WindFree™** để duy trì nhiệt độ tối ưu. Khi nhiệt độ vượt ra khỏi vùng nhiệt độ tối ưu này, máy sẽ tự động điều chỉnh lại.



Chế độ làm lạnh hai bước

Hai bước làm lạnh, bước một làm lạnh nhanh với chế độ Fast Cooling, sau đó chuyển sang chế độ **WindFree™** để duy trì nhiệt độ lý tưởng tiện nghi.



*Dựa trên thử nghiệm nội bộ model AC140RN4DKG/EU hoạt động công suất 14.0kW.

Giấu trần nối ống gió

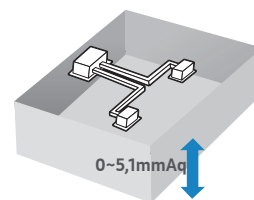
Samsung cung cấp dàn lạnh giấu trần, đáp ứng được nhiều không gian. Cho dù bạn có khoảng không trần thấp hay cao, Samsung đều có giải pháp phù hợp với yêu cầu của bạn.



Giấu trần nối ống gió áp suất thấp

Phù hợp nhiều kích cỡ phòng & Tích hợp sẵn bơm nước ngưng

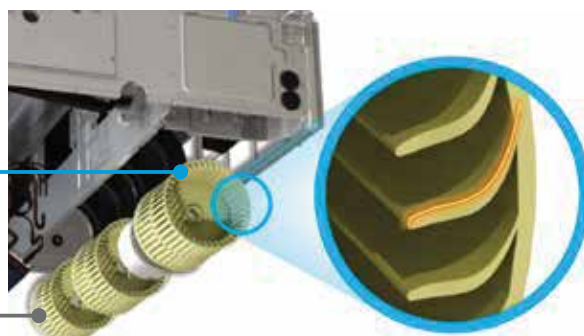
Dàn lạnh giấu trần đem đến sự linh hoạt trong thiết kế miệng gió cấp/hồi, cho phép người dùng có nhiều lựa chọn lắp đặt linh hoạt và đa dạng hơn. Nhờ đó, giải pháp này có thể làm lạnh nhiều không gian hơn, phục vụ được nhiều người hơn. Tất cả các dàn lạnh giấu trần đều được trang bị sẵn bơm nước ngưng, đảm bảo sự linh hoạt trong lắp đặt và thuận tiện bảo trì, bảo dưỡng.



Giấu trần nối ống gió áp suất thấp

Giảm thiểu tiếng ồn & tăng lưu lượng gió

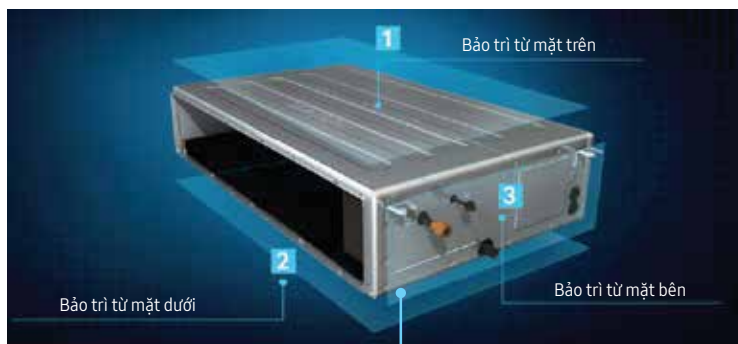
Nhờ vào thiết kế khí động học, quạt dàn lạnh cho phép tạo ra lưu lượng gió lớn hơn và đảm bảo phân phối gió đều hơn.





Đơn giản hóa lắp đặt và bảo trì

Với thiết kế cực kỳ nhỏ gọn, dàn lạnh giấu trần nổi ống gió Samsung có thể được lắp đặt ở bất kỳ đâu. Nắp dàn lạnh tháo lắp linh hoạt từ ba hướng: Trên - Dưới - Mặt bên; giúp việc tiếp cận quạt, motor, dàn coil, cũng như các bộ phận bên trong trở nên vô cùng đơn giản và dễ thực hiện.



Free Joint Multi

SAMSUNG AIR CONDITIONING

13

Bảo trì từ mặt trên



Bảo trì từ mặt dưới



Bảo trì từ mặt bên



Dãy sản phẩm dàn nóng

Dàn nóng 1 chiều lạnh

Công suất (kW)	Mã sản phẩm	Dàn lạnh kết nối tối đa	Hình ảnh
5.0	AJ050TXJ2KC/EA	2	
5.8	AJ058TXJ3KC/EA	3	
8.0	AJ080TXJ4KC/EA	4	
10.0	AJ100TXJ5KC/EA	5	
14.0	AJ140TXJ5KC/EA	5	

Dàn nóng 2 chiều lạnh/sưởi

Công suất (kW)	Mã sản phẩm	Dàn lạnh kết nối tối đa	Hình ảnh
5.0	AJ050TXJ2KH/EA	2	
6.8	AJ068TXJ3KH/EA	3	
8.0	AJ080TXJ4KH/EA	4	
10.0	AJ100TXJ5KH/EA	5	
12.5	AJ125TXJ5KH/EA	5	
14.0	AJ140TXJ5KH/EA	5	

Dãy sản phẩm dàn lạnh

Kết nối chung dàn nóng 1 chiều và 2 chiều

Chủng loại	Mã sản phẩm	Công suất (kW)	Hình ảnh
Treo tường WindFree™	AJ025TNAPKH/EA	2.5	
	AJ035TNAPKH/EA	3.5	
	AJ050TNAPKH/EA	5.0	
	AJ068TNAPKH/EA	6.2	
Treo tường tiêu chuẩn	AJ025TNTDKH/EA	2.5	
	AJ035TNTDKH/EA	3.5	
	AJ050TNTDKH/EA	5.0	
	AJ068TNTDKH/EA	6.5	
Cassette WindFree™ 1 hướng	AJ026TN1DKH/EA	2.6	
	AJ035TN1DKH/EA	3.5	
	AJ052TN1DKH/EA	5.2	
Cassette WindFree™ 4 hướng Mini	AJ026TNNDKH/EA	2.6	
	AJ035TNNDKH/EA	3.5	
	AJ052TNNDKH/EA	5.2	
Giấu trần nối ống gió	AJ026TNLPKH/EA	2.6	
	AJ035TNLPKH/EA	3.5	
	AJ052TNLPKH/EA	5.2	
	AJ071TNLPKH/EA	7.1	

Dàn nóng một chiều lạnh

Tên Model				AJ050TXJ2KC/EA	AJ058TXJ3KC/EA	AJ080TXJ4KC/EA	AJ100TXJ5KC/EA	AJ140TXJ5KC/EA
Nguồn điện		Φ, #, V, Hz		1,2,220~240,50/60	1,2,220~240,50/60	1,2,220~240,50/60	1,2,220~240,50/60	1,2,220~240,50/60
Công suất	Làm lạnh		kW	5.0	5.8	8.0	10	14
			Btu/h	17,100	19,700	27,300	34,100	47,700
Công suất điện	Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	kW	1.47	1.42	2.28	2.73	4.32
	Cường độ dòng điện	Làm lạnh	A	6.7	6.5	10.4	12.5	19.7
	MCA		A	11.9	15.2	18.2	25	34
	MFA		A	13.8	17.5	20.8	28.8	40
Hiệu suất năng lượng		EER	Làm lạnh	W/W	3.4	4.08	3.51	3.66
Máy nén	Loại		-	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary
	Công suất		kW x n	4.57 x 1	5.92 x 1	7.77 x 1	9.17 x 1	10.01 x 1
Quạt	Loại		-	Propeller Fan	Propeller Fan	Propeller Fan	Propeller Fan	Propeller Fan
	Công suất x Số lượng		W	40 x 1	125 x 1	125 x 1	125 x 1	125 x 1
	Lưu lượng gió		l/s	613	633	923	1,212	1,833
Đường ống kết nối	Ống lỏng		Φ, mm x EA	6.35 x 2	6.35 x 3	6.35 x 4	6.35 x 5	6.35 x 5
	Ống hơi		Φ, mm x EA	9.52 + 12.70	9.52 x 2 + 12.70	9.52 x 2 + 12.70 x 2	9.52 x 2 + 12.70 x 3	9.52 x 2 + 12.70 x 3
	Giới hạn lắp đặt	Chiều dài tối đa (DN - DL)	m	25	25	25	25	25
		Chiều cao tối đa (DN - DL)	m	15	15	15	15	15
Môi chất lạnh	Loại		-	R410A	R410A	R410A	R410A	R410A
Độ ồn	Độ ồn		dB(A)	46	46	48	52	52
Kích thước	Trọng lượng		kg	34.5	46.5	56	75.5	86.5
	Kích thước (R x C x D)		mm	790 x 548 x 285	880 x 638 x 310	880 x 798 x 310	940 x 998 x 330	940 x 1,210 x 330
Dải nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh		°C	10.0 ~ 46.0	10.0 ~ 46.0	10.0 ~ 46.0	10.0 ~ 46.0	10.0 ~ 46.0

*Công suất làm lạnh/sưởi dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn.
*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Dàn nóng hai chiều lạnh/sưởi

Tên Model			AJ050TXJ2KH/EA	AJ068TXJ3KH/EA	AJ080TXJ4KH/EA	AJ100TXJ5KH/EA	AJ125TXJ5KH/EA	AJ140TXJ5KH/EA
Nguồn điện		Φ, #, V, Hz	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
Công suất	Làm lạnh	kW	5.00	6.80	8.00	10.00	12.50	14.00
		Btu/h	17,100	23,200	27,300	34,100	42,600	47,700
	Sưởi	kW	5.70	8.00	9.00	12.00	13.50	15.00
		Btu/h	19,400	27,300	30,700	40,900	46,000	51,100
Công suất điện	Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	kW	1.32	2.00	2.38	2.90	4.84
		Sưởi		1.35	1.91	2.13	2.93	4.28
	Cường độ dòng điện	Làm lạnh	A	6.00	9.20	10.90	13.30	22.10
		Sưởi		6.20	8.70	9.70	13.40	19.60
	MCA		A	11.90	15.20	18.20	25.00	34.00
	MFA		A	13.80	17.50	20.80	28.80	40.00
Hiệu suất năng lượng	EER (Chế độ lạnh)		-	3.79	3.40	3.36	3.45	2.89
	COP (Chế độ sưởi)		-	4.22	4.19	4.23	4.10	3.50
Máy nén	Loại		-	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary
	Công suất		kW x n	4.57 x 1	5.92 x 1	7.77 x 1	9.17 x 1	10.01 x 1
Quạt	Loại		-	Propeller	Propeller	Propeller	Propeller	Propeller
	Công suất x Số lượng		W	40.0 x 1	125.0 x 1	125.0 x 1	125.0 x 1	125.0 x 1
	Lưu lượng gió		l/s	574	923	923	1212	1567
Đường ống kết nối	Ống lỏng		Φ, mm x EA	6.35 x 2	6.35 x 3	6.35 x 4	6.35 x 5	6.35 x 5
	Ống hơi		Φ, mm x EA	9.52 x 2	9.52 + 12.70 x 2	9.52 x 2 + 12.70 x 2	9.52 x 2 + 12.70 x 3	9.52 x 2 + 12.70 x 3
	Giới hạn lắp đặt	Chiều dài tối đa (DN - DL)	m	25	25	25	25	25
		Chiều cao tối đa (DN - DL)	m	15.0	15.0	15.0	15.0	15.0
Môi chất lạnh	Loại		-	R410A	R410A	R410A	R410A	R410A
Độ ồn	Làm lạnh/sưởi		dB(A)	46.0 / 48.0	48.0 / 50.0	48.0 / 50.0	54.0 / 55.0	52.0 / 54.0
Kích thước	Trọng lượng		kg	36.0	53.5	57.5	76.5	87.5
	Kích thước (R x C x D)		mm	790 x 548 x 285	880 x 798 x 310	880 x 798 x 310	940 x 998 x 330	940 x 1,210 x 330
Dải nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh		°C	-10.0 ~ 46.0	-10.0 ~ 46.0	-10.0 ~ 46.0	-10.0 ~ 46.0	-10.0 ~ 46.0
	Sưởi		°C	-15.0 ~ 24.0	-15.0 ~ 24.0	-15.0 ~ 24.0	-15.0 ~ 24.0	-15.0 ~ 24.0

*Công suất làm lạnh/sưởi dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn.
*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Dàn lạnh treo tường

WindFree™



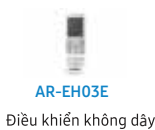
Tên Model				AJ025TNAPKH/EA	AJ035TNAPKH/EA	AJ050TNAPKH/EA	AJ068TNAPKH/EA
Nguồn điện		Φ, #, V, Hz		1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
Công suất	Làm lạnh		kW	2.50	3.50	5.00	6.20
			Btu/h	8,500	11,900	17,100	21,200
	Sưởi		kW	3.20	4.00	6.00	8.00
			Btu/h	10,900	13,600	20,500	27,300
Công suất điện	Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	W	40.00	40.00	50.00	50.00
		Sưởi		40.00	40.00	50.00	50.00
	Cường độ dòng điện	Làm lạnh	A	0.40	0.40	0.50	0.50
		Sưởi		0.40	0.40	0.50	0.50
Quạt	Mô tơ	Loại	-	Crossflow Fan	Crossflow Fan	Crossflow Fan	Crossflow Fan
		Công suất x Số lượng	W	27 x 1	27 x 1	27 x 1	27 x 1
	Lưu lượng gió	Turbo/Cao / Trung bình /Thấp	l/s	172/160/140/122	178 / 160 / 142 / 118	270/253/227/202	335 / 300 / 265 / 228
Đường ống kết nối	Ống lỏng		Φ,mm	6.35	6.35	6.35	6.35
	Ống hơi		Φ,mm	9.52	9.52	12.70	15.88
	Ống nước ngưng		Φ,mm	VP18 (OD 19,ID 16)	VP18 (OD 19,ID 16)	VP18 (OD 19,ID 16)	VP18 (OD 19,ID 16)
Môi chất	Loại		-	R410A	R410A	R410A	R410A
Độ ồn	Độ ồn	Cao/Thấp	dB(A)	38.0/23.0	39.0/23.0	42.0/30.0	47.0/30.0
Kích thước	Trọng lượng		kg	10.60	10.60	12.50	12.50
	Kích thước (R x C x D)		mm	889 x 299 x 215	889 x 299 x 215	1055 x 299 x 215	1055 x 299 x 215

*Điều khiển không dây mặc định có sẵn

*Công suất làm lạnh/sưởi dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn.

*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Phụ kiện (có sẵn)



Dàn lạnh treo tường



Tên Model				AJ025TNTDKH/EA	AJ035TNTDKH/EA	AJ050TNTDKH/EA	AJ068TNTDKH/EA
Nguồn điện		Φ, #, V, Hz		1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
Công suất	Làm lạnh		kW	2.50	3.50	5.00	6.50
			Btu/h	8,500	11,900	17,100	22,200
	Sưởi		kW	3.20	4.00	6.00	7.00
			Btu/h	10,900	13,600	20,500	23,900
Công suất điện	Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	W	30.00	30.00	50.00	50.00
		Sưởi		30.00	30.00	50.00	50.00
	Cường độ dòng điện	Làm lạnh	A	0.30	0.30	0.50	0.50
		Sưởi		0.30	0.30	0.50	0.50
Quạt	Mô tơ	Loại	-	Crossflow Fan	Crossflow Fan	Crossflow Fan	Crossflow Fan
		Công suất x Số lượng	W	27 x 1	27 x 1	27 x 1	27 x 1
	Lưu lượng gió	Turbo/Cao / Trung bình /Thấp	l/s	185/177/158/142	195/177/158/142	265/253/232/207	298/277/242/207
Đường ống kết nối	Ống lỏng		Φ,mm	6.35	6.35	6.35	6.35
	Ống hơi		Φ,mm	9.52	9.52	12.70	15.88
	Ống nước ngưng		Φ,mm	VP18 (OD 19,ID 16)	VP18 (OD 19,ID 16)	VP18 (OD 19,ID 16)	VP18 (OD 19,ID 16)
Môi chất	Loại		-	R410A	R410A	R410A	R410A
Độ ồn	Độ ồn	Cao / Thấp	dB(A)	37.0/23.0	38.0/23.0	41.0/30.0	45.0/30.0
Kích thước	Trọng lượng		kg	9.10	9.10	11.50	11.50
	Kích thước (R x C x D)		mm	820 x 299 x 215	820 x 299 x 215	1055 x 299 x 215	1055 x 299 x 215

*Điều khiển không dây mặc định có sẵn
*Công suất làm lạnh/sưởi dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn.
*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Phụ kiện (có sẵn)



AR-EH03E

Điều khiển không dây



MWR-WE13N

Điều khiển có dây tiêu chuẩn



MWR-WG00JN

Điều khiển có dây cao cấp



MWR-SH11N

Điều khiển có dây cảm ứng



MIM-H04N

Wi-Fi Kit

Cassette WindFree™ 1 hướng



Tên Model			AJ026TN1DKH/EA	AJ035TN1DKH/EA	AJ052TN1DKH/EA
Nguồn điện			Φ, #, V, Hz	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
Công suất	Làm lạnh		kW	2.60	3.50
			Btu/h	8,900	11,900
	Sưởi		kW	2.90	3.80
			Btu/h	9,900	13,000
Công suất điện	Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	W	30.00	30.00
		Sưởi		30.00	30.00
	Cường độ dòng điện	Làm lạnh	A	0.30	0.30
		Sưởi		0.30	0.30
Quạt	Mô tơ	Loại	-	Crossflow Fan	Crossflow Fan
		Công suất x Số lượng	W	27 x 1	27 x 1
	Lưu lượng gió	Cao / Trung bình /Thấp	l/s	122 / 108 / 97	150 / 137 / 120
Đường ống kết nối	Ống lỏng		Φ,mm	6.35	6.35
	Ống hơi		Φ,mm	9.52	9.52
	Ống nước ngưng		Φ,mm	VP20 (OD 25, ID 20)	VP20 (OD 25, ID 20)
Môi chất	Loại		-	R410A	R410A
Độ ồn	Độ ồn	Cao / Trung bình /Thấp	dB(A)	32.0/29.0/26.0	37.0/35.0/30.0
Kích thước dàn lạnh	Trọng lượng		kg	9.50	9.50
	Kích thước (R x C x D)		mm	970 x 135 x 410	970 x 135 x 410
Mặt nạ (Tùy chọn)	Tên model		-	PC1NWFMAN	PC1NWFMAN
	Kích thước (R x C x D)		mm	1198 x 35 x 500	1198 x 35 x 500
Phụ kiện	Bơm nước ngưng		Model	Tích hợp sẵn	Tích hợp sẵn

*Công suất làm lạnh/sưởi dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn.
*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

20

Phụ kiện (Tùy chọn)


AR-EH03E
Điều khiển không dây


MWR-WE13N
Điều khiển có dây tiêu chuẩn


MWR-WG00JN
Điều khiển có dây cao cấp


MWR-SH11N
Điều khiển có dây cảm ứng


MIM-H04N
Wi-Fi Kit

Mặt nạ (Tùy chọn)



PC1NWFMAN / PC1BWFMAN

Cassette WindFree™

4 hướng Mini



Tên Model			AJ026TNNDKH/EA	AJ035TNNDKH/EA	AJ052TNNDKH/EA
Nguồn điện		Φ, #, V, Hz	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
Công suất	Làm lạnh	kW	2.60	3.50	5.20
		Btu/h	8,900	11,900	17,700
	Sưởi	kW	2.90	3.80	5.60
		Btu/h	9,900	13,000	19,100
Công suất điện	Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	W	19.00	22.00
				19.00	22.00
	Cường độ dòng điện	Làm lạnh	A	0.51	0.52
				0.51	0.52
Quạt	Mô tơ	Loại	-	Turbo Fan	Turbo Fan
		Công suất x Số lượng	W	65 x 1	65 x 1
	Lưu lượng gió	Cao / Trung bình /Thấp	l/s	150.00/137.00/115.00	175.00/150.00/123.00
Đường ống kết nối	Ống lỏng		Φ,mm	6.35	6.35
	Ống hơi		Φ,mm	9.52	9.52
	Ống nước ngưng		Φ,mm	VP25 (OD 32,ID 25)	VP25 (OD 32,ID 25)
Môi chất	Loại		-	R410A	R410A
Độ ồn	Độ ồn	Cao / Trung bình /Thấp	dB(A)	33.0/29.0/24.0	35.0/31.0/27.0
Kích thước dàn lạnh	Trọng lượng		kg	11.50	11.50
	Kích thước (R x C x D)		mm	575 x 250 x 575	575 x 250 x 575
Mặt nạ (Tùy chọn)	Tên model		-	PC4SUFMAN	PC4SUFMAN
	Kích thước (R x C x D)		mm	620 x 57 x 620	620 x 57 x 620
Phụ kiện	Bơm nước ngưng		Model	Tích hợp sẵn	Tích hợp sẵn

*Công suất làm lạnh/sưởi dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn.
*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Phụ kiện (Tùy chọn)



AR-EH03E
Điều khiển không dây



MWR-WE13N
Điều khiển có dây tiêu chuẩn



MWR-WG00JN
Điều khiển có dây cao cấp



MWR-SH11N
Điều khiển có dây cảm ứng



MIM-H04N
Wi-Fi Kit

Mặt nạ (Tùy chọn)



PC4SUFMAN

Giấu trần nối ống gió

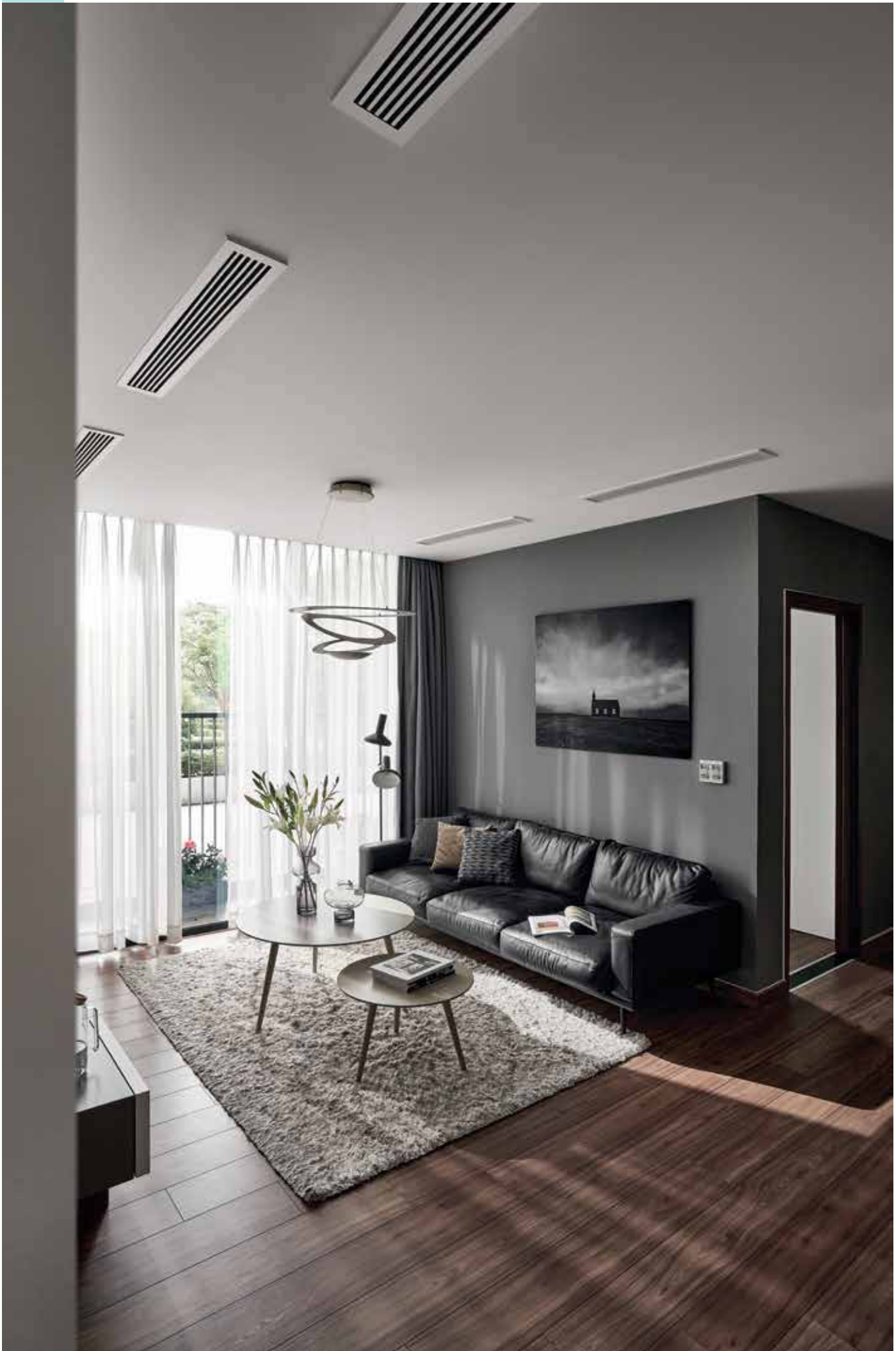


Tên Model				AJ026TNLPKH/EA	AJ035TNLPKH/EA	AJ052TNLPKH/EA	AJ071TNLPKH/EA
Nguồn điện		Φ, #, V, Hz		1,2,220-240,50	1,2,220-240,50	1,2,220-240,50	1,2,220-240,50
Công suất	Làm lạnh		kW	2.6	3.5	5.2	7.1
			Btu/h	8,900	11,900	17,700	24,200
	Sưởi		kW	2.9	3.8	5.6	8
			Btu/h	9,900	13,000	19,100	27,300
Công suất điện	Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	W	40	40	50	115
		Sưởi		40	40	50	115
	Cường độ dòng điện	Làm lạnh	A	0.4	0.4	0.45	1.1
		Sưởi		0.4	0.4	0.45	1.1
Quạt	Mô tơ	Loại	-	Sirroco Fan / BLDC	Sirroco Fan / BLDC	Sirroco Fan / BLDC	Sirroco Fan / BLDC
		Công suất x Số lượng	W	69x1	69x1	84x1	84x1
	Lưu lượng gió	Cao / Trung bình /Thấp	l/s	152 / 128 / 95	158 / 130 / 103	233 / 163 / 90	342 / 283 / 233
	Áp suất tĩnh	Thấp / Trung bình / Cao	Pa	0 / 19.6 / 39.2	0 / 19.6 / 39.2	0 / 19.6 / 50.0	0 / 19.6 / 50.0
Đường ống kết nối	Ống lỏng		Φ,mm	6.35	6.35	6.35	6.35
	Ống hơi		Φ,mm	9.52	9.52	12.7	15.88
	Ống nước ngưng		Φ,mm	VP25 (OD 32, ID 25)	VP25 (OD 32, ID 25)	VP25 (OD 32, ID 25)	VP25 (OD 32, ID 25)
Môi chất	Loại		-	R410A	R410A	R410A	R410A
Độ ồn	Độ ồn	Cao / Trung bình /Thấp	dB(A)	32 / 27 / 22	33 / 28 / 23	33 / 29 / 23	39 / 36 / 32
Kích thước dàn lạnh	Trọng lượng		kg	15	15	19	22.0
	Kích thước (R x C x D)		mm	700 x 199 x 440	700 x 199 x 440	900 x 199 x 440	1,100 x 199 x 440
Phụ kiện	Bơm nước ngưng		Model	Tích hợp sẵn	Tích hợp sẵn	Tích hợp sẵn	Tích hợp sẵn

*Công suất làm lạnh/sưởi dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn.
*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Phụ kiện (Tuỳ chọn)

 AR-EH03E Điều khiển không dây	 MRK-A10N Bộ nhận tín hiệu	 MWR-WE13N Điều khiển có dây tiêu chuẩn	 MWR-WG00JN Điều khiển có dây cao cấp	 MWR-SH00N Điều khiển có dây đơn giản	 MWR-SH11N Điều khiển có dây cảm ứng	 MIM-H04N Wi-Fi Kit
--	--	---	---	---	--	---





ĐỒNG HÀNH CÙNG PHÁT TRIỂN VỚI KHÁCH HÀNG

Samsung Electronics cam kết hỗ trợ khách hàng, đối tác và nhân viên khám phá những khả năng mới và trải nghiệm mới. Chúng tôi được truyền cảm hứng bởi sự thay đổi toàn cầu để tạo ra những công nghệ mới cho người tiêu dùng. Từ những sản phẩm được thiết kế để đáp ứng với nhịp sống của mọi người cho đến các yếu tố cốt lõi để khiến chúng trở nên khả thi hơn.

Công ty TNHH Samsung HCMC CE Complex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline: 1800 5887 889 (Dành cho khách hàng cá nhân)

Hotline: 1800 5887 890 (Dành cho khách hàng doanh nghiệp)

<https://www.samsung.com/vn/business/system-air-conditioners/>